

TÒA ÁN Z DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 46/2023/HS-ST

Ngày: 12 - 4 - 2023

Z DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN Z DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh J

Các Hội thẩm Z dân: Ông Nguyễn Văn Được và Ông La Văn Hợp

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào H Thái – Thư ký Tòa án Z dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

-Đại diện Viện kiểm sát Z dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Ông Nông Dg Chung - Kiểm sát viên

Trong các ngày 10 đến ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án Z dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ G số 123/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2023; thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 04/TB-TA ngày 07 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/QĐ-TA ngày 29 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn C (tên gọi khác: I), sinh năm 1989 tại Ninh Bình; nơi đăng ký thường trú xóm 15, đội 14, xã M, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay khu phố M, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: I, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Văn C (đã chết) và bà Vũ Thị M, sinh năm 1948; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1995 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: I. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2022 đến ngày 16/9/2022 được tại ngoại.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T (tên gọi khác: I), sinh năm 1995 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú tổ dân phố 01, phường M, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay tổ 7, khu phố M, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: I, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 và bà Phan Thị Th, sinh năm 1975; bị cáo có vợ là Mai Thị Nguyễn PQ T, sinh năm 2000 và có 01 người con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: I. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2022 đến ngày 31/8/2022 được tại ngoại.

3. Họ và tên: **Liêu Văn H** (tên gọi khác: I), sinh năm 1998 tại Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú thôn Đồng Cống, xã Bình Dân, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Sán Dìu, tôn giáo: I, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Liêu Văn Quảng, sinh năm 1972 và bà Trương Thị Chúc, sinh năm 1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: I. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2022 đến ngày 09/9/2022 được tại ngoại.

4. Họ và tên: **Trương Văn C** (tên gọi khác: I), sinh năm 1993 tại Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú thôn 01A, xã Quảng Sơn, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Sán Dìu, tôn giáo: I, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Văn Cam, sinh năm 1961 và bà Trần Thị Vòong, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: I. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2022 đến ngày 31/8/2022 được tại ngoại.

5. Họ và tên: **Trương Quốc O** (tên gọi khác: I), sinh năm 1999 tại Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú Bon Rlong Phe, xã Quảng Sơn, huyện Đắc Glong, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh, tôn giáo: I, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trương Văn C, sinh năm 1965 và bà Diệp Thị Lưu, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là Tạ Thị Mai, sinh năm 1998 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: I. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/6/2022 đến ngày 23/6/2022 được tại ngoại.

“Các bị cáo có mặt tại phiên tòa”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên D:

1. Bà Nguyễn Khánh M (Thiên), sinh năm 1988; cư trú tại địa chỉ khu phố Phú Xuân, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

2. Ông Đậu Văn Q, sinh năm 1974; cư trú tại địa chỉ ấp 01, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

3. Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1978; cư trú tại địa chỉ khu phố 3, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

4. Bà Võ Ngọc Bảo R, sinh năm 1993; cư trú tại địa chỉ đội 5, ấp 2, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

5. Ông Lê Kim Y, sinh năm 1973; cư trú tại địa chỉ khu phố 4, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

6. Ông Nông Mạnh U, sinh năm 1997; cư trú tại địa chỉ đội 4, ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

7. Bà Võ Thị I, sinh năm 1969; nơi đăng ký thường trú khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay tổ 02, khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

8. Bà Mai Thị Bích P, sinh năm 1967; cư trú tại địa chỉ đường D6-17ha, khu Công nghiệp K Đồng Phú, khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh

Bình Phước;

9. Bà Lê Thị S, sinh năm 1975; cư trú tại địa chỉ khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

10. Ông Cao Văn D, sinh năm 1980; cư trú tại địa chỉ khu phố Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

11. Bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1984; cư trú tại địa chỉ khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

12. Bà Chu Thị G, sinh năm 1980; cư trú tại địa chỉ khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

13. Bà Nguyễn Thị Quỳnh J, sinh năm 1983; nơi đăng ký thường trú khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; chỗ ở hiện nay khu phố Bàu Ké, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

14. Ông Lê Văn K, sinh năm 1980; cư trú tại địa chỉ ấp 6, xã Tiến Hưng, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

15. Ông Nguyễn Thanh Z, sinh năm 1983; cư trú tại địa chỉ tổ 2, khu phố Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

16. Ông Võ Đình X, sinh năm 1962; cư trú tại địa chỉ khu phố Phước M, phường Tân M, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

17. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1984; cư trú tại địa chỉ khu phố Phước Thọ, phường Tân M, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

18. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1995; nơi đăng ký thường trú thôn 15, xã H Tiến, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay khu phố Xuân Lộc, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

19. Bà Tạ Thị M, sinh năm 1998; nơi đăng ký thường trú Bon Rlong Phe, xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông; chỗ ở hiện nay khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

20. Bà Diệp Thị Thanh E, sinh năm 1999; nơi đăng ký thường trú Bon RLong Phe, xã Quảng Sơn, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

21. Bà Mai Nguyễn Thị PQ T, sinh năm 2000; nơi đăng ký thường trú khu phố Bình An, phường An Lộc, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

“Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên D vắng mặt”.

NỘI P VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội P vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 02/2021, Trần Văn C, sinh năm: 1989, HKTT: Xóm 15, xã H Tiến, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đi từ quê đến thành phố Đồng Xoài sinh sống, tại đây C thuê phòng trọ tại khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài rồi hành nghề bán cá nướng để sinh sống. Trong thời gian này C thấy những người

làm ăn buôn bán nhỏ lẻ có nhu cầu vay vốn để làm ăn nên đã nảy sinh ý định cho vay lấy lãi. C đã sử dụng tiền tiết kiệm và vay mượn họ hàng gia đình để cho người khác vay nhằm lấy lãi cao, với hình thức cho vay lãi gộp và cho vay lãi đứng. Cho vay gộp có nghĩa C cho vay tiền, thu tiền phí (thỏa thuận 1 ngày gộp), người vay đóng tiền lãi gốc theo ngày với thời gian đóng quy định là 24 ngày, số tiền đóng hàng ngày tùy thuộc vào số tiền vay, ví dụ (A vay 10.000.000đ thì ngày đóng (góp) 500.000đ; vay 5.000.000đ thì ngày đóng (góp) 250.000đ * số ngày thỏa thuận), cho vay đứng là người vay sẽ trả lãi theo gói vay với lãi suất 8000 vnd đến 10.000đ/1 ngày/1 triệu đồng, ví dụ (A vay 10 triệu mà lãi 8000đ/ngày/1 triệu thì tiền lãi là $8000 \times 10 = 80.000$ đ/1 ngày), 10 ngày sẽ đóng lãi 1 lần. Khi cho vay tiền thì C và người vay I làm hợp đồng gì, mà chỉ tính tiền hồ sơ vay và khi đáo gói vay bằng số tiền gộp một ngày của gói vay gộp, C sẽ giữ chứng Y Z dân của người vay hoặc hộ khẩu photo.. có người C biết nhà thì I giữ giấy tờ gì. Số tiền C cho vay giao động từ 1.000.000đ cho đến 100.000.000đ. Quá trình cho vay người vay góp đóng đủ 24 ngày thì có thể đáo hạn lại gói vay hoặc chưa đóng đủ 24 ngày thì vẫn đáo hạn gói vay mới được, nhưng phải trừ lại tiền số ngày còn thiếu của gói vay cũ. Ngoài tiền gốc, số lãi suất C thu được dao động từ 292%/năm đến 304.17%/năm số tiền gốc ban đầu.

Trong quá trình hoạt động cho vay ngoài tự mình cho vay C có quen biết và chung tiền cho vay với Nguyễn Văn T, sinh năm: 1995, HKTT: Tổ 11, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Trương Văn C, sinh năm: 1993, HKTT: Bon RLong Phe, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông cho Anh Lê Kim Y, sinh năm: 1973, HKTT: Khu phố 5, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vay tiền góp nhiều lần, số tiền dao động mỗi lần từ 60.000.000đ đến 100.000.000đ với lãi suất 304,17%/năm. Đến ngày 13/6/2022, khi Trương Văn C đi thu tiền góp của anh Lê Kim Y tại khu vực thuộc khu phố Phú Thịnh, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài thì bị Công an thành phố Đồng Xoài phối hợp với phòng CSHS – CA tỉnh Bình Phước bắt quả tang. Qua lời khai nhận của các đối tượng liên D Cơ D CSĐT – CA thành phố Đồng Xoài đã tiến hành giữ người khẩn cấp đối với Nguyễn Văn T, Trần Văn C, Liêu Văn H, sinh năm: 1998, HKTT: Thôn Đồng Công, xã Bình Dân, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, Trương Quốc O, sinh năm: 1999, HKTT: Bon RLong Phe, xã Quảng Sơn, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, cùng tạm trú: khu phố Suối Đá, phường Tân Xuân, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước để điều tra về hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Tại cơ D điều tra, các đối tượng C, T, H, O đã khai nhận toàn bộ hành vi cho vay nặng lãi của mình với hình thức giống với Trần Văn C nêu trên.

Trong quá trình hoạt động cho vay thì C, T, H, C, O đã tự mình cho vay hoặc chung tiền cho nhiều người vay khác nhau. Tuy nhiên quá trình điều tra, cơ D điều tra chỉ xác định cụ thể như sau:

Đối với Trần Văn C:

1. Đã cho chị Nguyễn Khánh M, sinh năm: 1988, HKTT: Kp. Phú Xuân, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vay góp (**04 lần**) với tổng số tiền: 95.000.000đ theo hợp đồng, (C giao thực tế cho M là 85.500.000đ), số tiền đã thu 114.000.000đ, số tiền lãi: 19.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 22.500.683đ.

2. Đã cho anh Đậu Văn Q, sinh năm: 1974, HKTT: Ấp 1, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vay góp **(07 lần)** với tổng số tiền: 70.000.000đ (C giao thực tế cho Q là 63.000.000đ), số tiền đã thu 76.500.000đ, số tiền lãi: 19.500.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 15.761.646đ. Anh Q còn nợ: 4.750.000đ.

3. Đã dùng tiền riêng cho anh Lê Kim Y vay tiền góp **(02 lần)**, từ ngày 27/11/2021 đến 25/12/2021 với tổng số tiền: 65.000.000đ (C giao thực tế cho anh Y số tiền 58.500.000đ, số tiền đã thu 78.000.000đ, số tiền lãi: 13.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 15.395.205đ).

4. C chung với tỷ lệ 50:50 với Nguyễn Văn T và Trương Văn C cho Anh Y vay góp **(05 lần)** từ ngày 08/3/2022 đến 10/6/2022, với tổng số tiền: 400.000.000đ theo hợp đồng (thực tế số tiền C bỏ ra đưa anh Y là 163.500.000đ), số tiền đã thu 375.000.000đ, số tiền lãi: 62.500.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 78.390.410,96đ (C hưởng số tiền 39.195.205đ), anh Y còn nợ gốc và lãi 105.000.000đ.

Như vậy Trần Văn C đã cho 03 người trên vay với 18 lượt vay, tổng số tiền cho vay 630.000.000đ (thực tế C đã bỏ số tiền: 370.500.000đ), thu lợi bất chính 132.047.944đ (một trăm ba mươi hai triệu I trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm bốn mươi bốn đồng), trong đó C hưởng số tiền: 92.852.739đ. Lãi suất 304,17%/năm.

Đối với Nguyễn Văn T:

1. Chung với Trần Văn C, Trương Văn C cho Anh Y vay góp **(05 lần)** từ ngày 08/3/2022 đến 10/6/2022, với tổng số tiền: 400.000.000đ (thực tế T C cho anh Y số tiền: 81.750.000đ), số tiền đã thu 375.000.000đ, số tiền lãi: 62.500.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 78.390.410,96đ trong đó T hưởng lợi 19.597.602đ, anh Y còn nợ gốc và lãi **105.000.000đ**.

2. Chung với Trương Văn C theo tỷ lệ 50:50 cho Võ Ngọc Bảo R, sinh năm:1993, HKTT: Ấp 2, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vay góp **(08 lần)** từ ngày 06/2/2022 đến 05/6/2022, với tổng số tiền: 750.000.000đ (thực tế T C cho chị R số tiền: 242.500.000đ), số tiền đã thu 815.000.000đ, số tiền lãi: 135.833.333đ, số tiền thu lợi bất chính: 161.901.826đ (bản thân T hưởng 80.950.913đ, R còn nợ **85.000.000đ** cả gốc và lãi).

Như vậy Nguyễn Văn T đã cho 02 người trên vay với 13 lượt vay, Tổng số tiền cho vay **1.150.000.000đ** (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), thu lợi bất chính **240.292.237đ** (hai trăm bốn mươi hai triệu hai trăm chín mươi hai ngàn hai trăm ba mươi bảy đồng) trong đó T hưởng lãi bất chính số tiền **100.548.515đ**. Lãi suất 304,17%/năm.

Đối với Liêu Văn H:

1. Chung với Trương Văn C (C bỏ ra 90.000.000đ còn lại H bỏ) cho Võ Ngọc Bảo R vay góp **(05 lần)** từ ngày 21/3/2022 đến 27/4/2022, với tổng số tiền: 440.000.000đ (Thực tế H đã bỏ số tiền 97.500.000đ giao cho R), số tiền đã thu 528.000.000đ, số tiền lãi: 88.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 103.213.699đ trong đó H hưởng là 63.213.699đ.

2. Chung với Trương Quốc O (với số tiền 100.000.000đ hoàn toàn O bỏ ra cho vay) cho Nguyễn Thị E, sinh năm: 1978, HKTT: Kp 3, P. Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vay góp **(01 lần)** ngày 05/3/2022 số tiền: 50.000.000đ, số tiền đã thu

60.000.000đ, số tiền lãi: 10.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 11.842.465đ H hưởng toàn bộ. Sau đó tiếp tục cho E vay tiền đứng số tiền 50.000.000đ với lãi xuất 8000đ/ngày/1 triệu, thu lãi được 10 ngày được 4.000.000đ. E còn nợ gốc 50.000.000đ; cho Nông Mạnh U, sinh năm: 1997, HKTT: Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vay tiền đứng số tiền 50.000.000đ với lãi xuất 8000đ/ngày/1 triệu, thu lãi được 10 ngày được 4.000.000đ. U còn nợ gốc 50.000.000đ, số lãi của các gói đứng này tổng cộng 8.000.000đ, thu lợi bất chính 7.452.054đ H đều giao cho O.

Như vậy Liêu Văn H tham gia cùng C, O cho 03 người vay, 08 lượt cho vay. Tổng số tiền cho vay 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng), trong đó H bỏ ra số tiền **97.500.000đ**, thu lợi bất chính **122.508.219đ**, trong đó H hưởng số tiền **75.056.164đ**. Lãi suất từ 292% đến 304.17%.

Đối với Trương Quốc O:

1. Chung với Liêu Văn H số tiền 100.000.000đ cho Nguyễn Thị E vay góp **(01 lần)** ngày 05/3/2022 số tiền: 50.000.000đ, số tiền đã thu 60.000.000đ, số tiền lãi: 10.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 11.842.465đ (H hưởng lợi). Sau đó tiếp tục cho E vay tiền đứng số tiền 50.000.000đ với lãi xuất 8000đ/ngày/1 triệu, thu lãi được 10 ngày được 4.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 3.726.027đ. E còn nợ gốc 50.000.000đ; Cho Nông Mạnh U vay tiền đứng số tiền 50.000.000đ với lãi xuất 8000đ/ngày/1 triệu, thu lãi được 10 ngày được 4.000.000đ, thu lợi bất chính số tiền 3.726.027đ. U còn nợ gốc 50.000.000đ. O được hưởng 7.452.054đ tiền lợi bất chính.

2. Đã cho chị Võ Thị I, sinh năm: 1969, HKTT: Kp. Suối Đá, P. Tân Xuân, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vay góp **(01 lần)** với số tiền: 10.000.000đ, số tiền đã thu 12.000.000đ, số tiền lãi: 2.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 2.368.493đ. O thu hết số tiền góp lãi suất 304,17%/năm.

3. Đã cho chị Mai Thị Bích P, sinh năm: 1967, HKTT: Kp. Bàu Ké, TT. Tân Phú, H. Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vay góp **(03 lần)** với số tiền: 15.000.000đ, số tiền đã thu 18.000.000đ, số tiền lãi: 3.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: $1.184.246đ \times 3 = 3.552.738đ$. O thu hết số tiền góp, lãi suất 304,17%/năm.

4. Đã cho chị Lê Thị S, sinh năm: 1975, HKTT: Kp. Bàu Ké, TT. Tân Phú, H. Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vay góp **(02 lần)** với số tiền: 10.000.000đ, số tiền đã thu 12.000.000đ, số tiền lãi: 2.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: $1.184.246đ \times 2 = 2.368.492đ$. O thu hết số tiền góp, lãi suất 304,17%/năm.

5. Đã cho anh Cao Văn D, sinh năm: 1980, HKTT: Kp. Phú Thịnh, P. Tân Phú, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vay góp **(02 lần)** với số tiền: 10.000.000đ, số tiền đã thu 12.000.000đ, số tiền lãi: 2.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: $1.184.246đ \times 2 = 2.368.492đ$. O thu hết số tiền góp, lãi suất 304,17%/năm.

6. Đã cho chị Nguyễn Thị F, sinh năm: 1984, HKTT: Kp. Bàu Ké, TT. Tân Phú, H. Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vay góp **(01 lần)** với số tiền: 10.000.000đ, số tiền đã thu 12.000.000đ, số tiền lãi: 2.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 2.368.492đ. O thu hết số tiền góp, lãi suất 304,17%/năm.

7. Đã cho chị Chu Thị G, sinh năm: 1980, HKTT: Kp. Tân An, TT. Tân Phú, H. Đồng Phú, tỉnh Bình Phước vay góp **(03 lần)** với số tiền: 15.000.000đ, số tiền đã thu

18.000.000đ, số tiền lãi: 3.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: $1.184.246đ \times 3 = 3.552.738đ$. O thu hết số tiền góp, lãi suất 304,17%/năm.

8. Đã cho chị Nguyễn Thị Quỳnh J, sinh năm: 1975, HKTT: Kp. Suối Đá, P. Tân Xuân, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vay góp (**2 lần**) với số tiền: 15.000.000đ, số tiền đã thu 18.000.000đ, số tiền lãi: 3.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 3.552.738đ. O thu hết số tiền góp, lãi suất 304,17%/năm.

9. Đã cho anh Lê Văn K, sinh năm: 1980, HKTT: Ấp 6, xã Tiên Hưng, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vay góp (**1 lần**) với số tiền: 5.000.000đ, số tiền đã thu 6.000.000đ, số tiền lãi: 1.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.184.246đ. O thu hết số tiền góp, lãi suất 304,17%/năm.

10. Đã cho anh Võ Đình X, sinh năm: 1962, HKTT: Kp. Phước M, P. Tân M, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vay góp (**1 lần**) với số tiền: 5.000.000đ, số tiền đã thu 6.000.000đ, số tiền lãi: 1.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.184.246đ. O thu hết số tiền góp, lãi suất 304,17%/năm.

11. Đã cho anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 1983, HKTT: Kp. Phước Thọ, P. Tân M, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vay góp (**1 lần**) với số tiền: 5.000.000đ, số tiền đã thu 6.000.000đ, số tiền lãi: 1.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 1.184.246đ. O thu hết số tiền góp, lãi suất 304,17%/năm.

12. Đã cho anh Nguyễn Thành Z, sinh năm: 1983, HKTT: Kp. Phú Thịnh, P. Tân M, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước vay góp (**2 lần**) với số tiền: 10.000.000đ, số tiền đã thu 12.000.000đ, số tiền lãi: 2.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 2.368.492đ. O thu hết số tiền góp, lãi suất 304,17%/năm.

13. Đã cho chị Nguyễn Thị E, vay góp (**01 lần**) với số tiền: 5.000.000đ, số tiền đã thu 2.000.000đ, số tiền lãi: 333.333đ, số tiền thu lợi bất chính: 561.415,53đ. Chị E còn nợ: 4.000.000đ cả gốc và lãi, lãi suất 304,17%/năm.

Như vậy Trương Quốc O tham gia cùng H cho 02 người vay, **01** lượt vay góp với số tiền 50.000.000đ, hưởng lợi bất chính **11.842.465đ** (trong đó O hưởng 00 đ), **02** lượt cho vay đứng tổng số tiền 100.000.000đ, thu lời 8.000.000đ, O thu lời bất chính số tiền **7.452.054đ**. O trực tiếp cho **12** người vay với tổng cộng **20** lượt cho vay góp 115.000.000đ, thu lời **22.333.333đ**, thu lời bất chính số tiền **26.364.742đ** (O hưởng **26.364.742đ**). Như vậy tổng số tiền O tham gia cho vay 265.000.000đ, trong đó O bỏ ra **171.000.000đ**, thu lợi bất chính **33.816.796đ**. Lãi suất từ 292% đến 304,17%.

Đối với Trương Văn C:

I trực tiếp cho vay nhưng đã chung tiền với T và Trần Văn C cho ông Lê Kim Y vay góp **05** lần tổng số tiền cho vay 400.000.000đ, trong đó C bỏ ra số tiền bằng với T là **81.750.000đ**, số tiền đã thu 375.000.000đ, số tiền lãi: 62.500.000đ, số tiền thu lợi bất chính: 78.390.410,96đ trong đó C hưởng lợi **19.597.602đ**.

Chung tiền với Nguyễn Văn T cho chị Võ Ngọc Bảo R vay góp 08 lần, tổng số tiền cho vay: 750.000.000đ trong đó C bỏ ra số tiền 242.500.000đ, số tiền đã thu 815.000.000đ, số tiền lãi: 135.833.333đ, số tiền thu lợi bất chính: 161.901.826đ, bản thân C hưởng **80.950.913đ**.

Chung với Liêu Văn H cho Võ Ngọc Bảo R vay góp **(05 lần)** từ ngày 21/3/2022 đến 27/4/2022, với tổng số tiền: 440.000.000đ (Thực tế C đã bỏ số tiền 90.000.000đ), số tiền đã thu 528.000.000đ, số tiền lãi: 88.000.000đ, số tiền thu lợi bất chính: **103.213.699đ** trong đó C hưởng là **40.000.000đ**.

Như vậy tổng số tiền cho vay C tham gia cho vay là 1.590.000.000đ, C bỏ số tiền thực tế: **414.250.000đ** thu lợi bất chính **343.505.935đ**, trong đó C hưởng lợi: **140.548.515đ**.

Quá trình điều tra Cơ D Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài đã tạm giữ:

Tạm giữ trong quá trình bắt quả tang Trương Văn C:

- Số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng)
- 01 (một) điện thoại di động kiểu dáng Iphone, màu đen, số sim 0971293493.
- 01 xe mô tô dạng Wave màu đỏ biển số 93F9-1098.

Tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở Liêu Văn H:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 màu xanh đen; Sim số (I có).
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA – TA1034 màu xanh, sim số: 0336.176.483

Tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở Nguyễn Văn T:

- 01 tH giấy trọng lượng 07 kg bên trong có giấy có chữ “cho vay tiền”, 01 cuốn tập bên ngoài có ghi chữ MGP màu đỏ, 01 thẻ ngân hàng số: 9740030269852254, 01 CCCD số: 034095015482, 01 thẻ ngân hàng số: 9704222085916807

Tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở Trần Văn C:

- 01 hộp lăn tay màu đỏ hiệu “Horse”; 01 hộp lăn tay màu đỏ hiệu “Shiny”; 01 GPLX số 70020501344, 01 CMND số: 164323235, 01 thẻ ngân hàng số: 4221510029539203 mang tên “Trần Văn C”; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 8Plus màu hồng sim số: 0326826836, 01 ĐTDĐ hiệu OPPO Reno 6Z màu xanh sim số: 0372904823, 01 ĐTDĐ hiệu ITEL màu đỏ sim số: 0394928838, 01 cuốn tập bìa ngoài có tên Hải Tiến. số tiền 7.720.000đ.

Tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở Trương Quốc O:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen (đã qua sử dụng), màn hình bị nứt vỡ, số Imel: 356112096635183, số sim: 086.775.0065.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106, vỏ màu đỏ đen, số sê ri: 352882101050834, số sim: 0386875148.
- 01 thẻ ATM ngân hàng MB số thẻ 408904103148 mang tên Trương Quốc O
- 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank số thẻ 5174 1600 0064 3560 mang tên Trương Quốc O.

Cơ D Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Xoài đã ra quyết định xử G vật chứng trả lại 01 ĐTDĐ hiệu OPPO Reno 6Z màu xanh sim số: 0372904823 cho vợ

bị cáo Trần Văn C là Nguyễn Thị Chiên, sinh năm: 1995, HKTT: Thôn 15, xã H Tiến, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

Tại Bản Cáo trạng số 122/CT-VKS ngày 05/10/2022 của Viện kiểm sát Z dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Liêu Văn H, Trương Văn C về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trương Quốc O về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề X Hội đồng xét xử:

-Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Trương Văn C và Liêu Văn H mỗi bị cáo số tiền từ 200.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng

-Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Quốc O số tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Đề X Hội đồng xét xử tuyên buộc các bị cáo phải nộp lại số tiền gốc cho vay theo lời khai thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa; lãi suất tương ứng 20%/năm đã nhận của người vay và tiền phí khác (nếu có) để sung công quỹ Nhà nước. Buộc các bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi vượt quá quy định của pháp luật (trên 20%) đã nhận và buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên D phải hoàn lại số tiền nợ gốc còn lại đã vay của các bị cáo để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Đề X áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của BLTTHS:

Đề X Hội đồng xét xử tuyên quản thủ số tiền 8.000.000 đồng của bị cáo Trương Văn C để đảm bảo thi hành án cho bị cáo C; quản thủ số tiền 7.720.000 đồng của bị cáo Trần Văn C để đảm bảo thi hành án cho bị cáo C.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 ĐTDĐ hiệu IteI màu đỏ sim số: 0394928838; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA – TA1034 màu xanh, sim số: 0336.176.483; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106, vỏ màu đỏ đen, số sê ri: 352882101050834, số sim: 0386875148; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen, số sim 0971293493; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 8Plus màu hồng sim số: 0326826836; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 màu xanh đen I có sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen (đã qua sử dụng), màn hình bị nứt vỡ, số Imel: 356112096635183, số sim: 086.775.0065; 01 hộp lần tay màu đỏ hiệu “Horse”; 01 hộp lần tay màu đỏ hiệu “Shiny”;

Trả lại cho bị cáo Trương Văn C 01 xe mô tô dạng Wave màu đỏ biển số 93F9-1098.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn C 01 GPLX số 70020501344; 01 CMND số 164323235; 01 thẻ ngân hàng số: 4221510029539203 mang tên “Trần Văn C” và 01 cuốn tập trắng bìa ngoài có tên Hải Tiến.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 thẻ ngân hàng số: 9740030269852254, 01 CCCD số: 034095015482; 01 thẻ ngân hàng số: 9704222085916807

Trả lại cho bị cáo Trương Quốc O 01 thẻ ATM ngân hàng MB số thẻ 408904103148 mang tên Trương Quốc O; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank số thẻ 5174 1600 0064 3560 mang tên Trương Quốc O.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 tH giấy trọng lượng 07 kg bên trong có giấy có chữ “cho vay tiền” và 01 cuốn tập bên ngoài có ghi chữ MGP màu đỏ.

Đối với số tiền trong các tài khoản ngân hàng của các bị cáo Trương Văn C, Trương Quốc O, Trần Văn C và Nguyễn Văn T đang được niêm phong cần quản thủ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

Các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Liêu Văn H, Trương Văn C và Trương Quốc O tại phiên tòa đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội P bản cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội P vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu chứng cứ, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ D điều tra; Viện kiểm sát Z dân thành phố Đồng Xoài, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên D I ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ D tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Liêu Văn H, Trương Văn C và Trương Quốc O thừa nhận hành vi phạm tội như nội P bản Cáo trạng số 122/CT-VKS ngày 05/10/2022 của Viện kiểm sát Z dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên D về cách thức cho vay, số tiền vay; phù hợp với biên bản thu giữ tài liệu, biên bản khám xét nơi ở; biên bản đối chiếu, tính toán số tiền cho vay, lãi suất cho vay, vật chứng vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Do muốn thu lợi bất chính bằng hình thức cho vay góp (vay bắt họ) trả theo ngày và vay tín chấp (vay đứng), nên khoảng tháng 11/2021 đến tháng 6/2022, Trần Văn C, Trương Văn C, Nguyễn Văn T, Liêu Văn H và Trương Quốc O đã trực tiếp cho vay, góp vốn và thu nợ của nhiều người vay tiền với lãi suất cao từ 292% đến 304.17% thu lợi bất chính từ 33.816.796 đồng đến 343.505.953 đồng. Trong đó Trần Văn C đã cho 03 người trên vay với 18 lượt vay, tổng số tiền cho vay 630.000.000 đồng (số tiền thực tế bỏ ra 370.500.000 đồng), lãi suất 304,17%/năm, thu lợi bất chính 132.047.944 đồng. Nguyễn Văn T đã cho 02 người trên vay với 13 lượt vay, tổng số tiền cho vay 1.150.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm, thu lợi bất chính 240.292.237 đồng. Liêu Văn H tham gia cùng C, O cho 03 người vay, 08 lượt cho vay với tổng số tiền cho vay 540.000.000 đồng, trong đó H bỏ ra số tiền 97.500.000

đồng, lãi suất từ 292% đến 304.17%. thu lợi bất chính 122.508.219 đồng. Trương Quốc O tham gia cho vay 265.000.000 đồng, trong đó O bỏ ra 171.000.000 đồng, lãi suất từ 292% đến 304.17%. thu lợi bất chính 33.816.796 đồng. Trương Văn C tham gia cho vay là 1.590.000.000 đồng (số tiền thực tế: 414.250.000 đồng) thu lợi bất chính 343.505.935 đồng.

Căn cứ vào hành vi các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Liêu Văn H, Trương Văn C thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 201 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trương Quốc O bị cáo thu lợi bất chính 33.816.796 đồng nên Viện kiểm sát Z dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố bị cáo theo khung hình phạt tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Đối với các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Liêu Văn H, Trương Văn C thu lợi bất chính trên 100.000.000 đồng nên Viện kiểm sát Z dân thành phố Đồng Xoài đã truy tố các bị cáo theo khung hình phạt tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn nhận thức được việc cho người khác vay với lãi suất cao gấp 5 lần so với lãi suất quy định của Nhà nước là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng do háms lợi, muốn thu về với mức lãi suất cao để hưởng lợi bất chính nên cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản G kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng; là nguyên Z phát sinh các tệ nạn xã hội trong hoạt động tín dụng, đẩy người đi vay càng lâm vào hoàn cảnh khó khăn hơn khi phải trả mức lãi cao, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa pQ. Trong vụ án, bị cáo một mình trực tiếp thực hiện việc cho vay, thu lãi, do đó cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi và hậu quả các bị cáo gây ra.

Do đây là vụ án đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phân tích vị trí, vai trò của từng bị cáo trong việc cá thể hóa hình phạt:

Đối với bị cáo Trần Văn C: Bị cáo đã cho 03 người vay là ông Lê Kim Y, bà Nguyễn Khánh M và ông Đậu Văn Q vay với 18 lượt vay, tổng số tiền cho vay 630.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm, thu lợi bất chính 132.047.944 đồng, hưởng lợi số tiền 92.852739 đồng.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T đã cho 02 người trên vay với 13 lượt vay, tổng số tiền cho vay 1.150.000.000 đồng, lãi suất 304,17%/năm, thu lợi bất chính 240.292.237 đồng, hưởng lợi bất chính số tiền 100.548.515 đồng.

Đối với bị cáo Liêu Văn H tham gia cùng C, O cho 03 người vay, 08 lượt cho vay, tổng số tiền cho vay 540.000.000 đồng, trong đó H bỏ ra số tiền 97.500.000 đồng, lãi suất từ 292% đến 304.17%, thu lợi bất chính 122.508.219 đồng, H hưởng lợi số tiền 75.056.164 đồng.

Đối với Trương Quốc O tham gia cùng H cho 02 người vay, 01 lượt vay góp với số tiền 50.000.000 đồng, hưởng lợi bất chính 11.842.465đ (trong đó O hưởng 00 đ), 02 lượt cho vay đứng tổng số tiền 100.000.000 đồng, thu lờ 8.000.000 đồng, O thu lờ bất chính số tiền 7.452.054 đồng. O trực tiếp cho 12 người vay với tổng cộng 20 lượt cho vay góp 115.000.000 đồng, thu lờ 22.333.333 đồng, O hưởng lợi số tiền

26.364.742 đồng. Như vậy tổng số tiền O tham gia cho vay 265.000.000 đồng, trong đó O bỏ ra 171.000.000 đồng, thu lợi bất chính 33.816.796 đồng, lãi suất từ 292% đến 304.17%.

Đối với Trương Văn C cho vay là 1.590.000.000 đồng, C bỏ số tiền thực tế: 414.250.000 đồng, thu lợi bất chính 343.505.935 đồng, trong đó C hưởng lợi 140.548.515 đồng.

Về tình tiết tăng nặng: Mặc dù bị cáo cho vay nhiều lần nhưng mỗi lần số tiền thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nên I áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo có Z thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo C và H là người dân tộc thiểu số. Do vậy bị cáo C, H được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo C, T và O được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và Z thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo có Z thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên chỉ cần áp dụng Điều 35 của Bộ luật hình sự xử phạt bằng hình phạt tiền cũng đủ giáo dục đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo I có nghề nghiệp ổn định nên miễn áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các theo quy định tại khoản 3 Điều 201 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn của X quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Z dân tối cao.

[4] Đối với những người vay mà cơ D điều tra chưa làm việc được như bà Xuân, chị Diệp, chị Châu (do I xác định được Z thân lai lịch và nơi cư trú) do đó I có đủ cơ sở để xác định lãi suất và số tiền thu lợi bất chính để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị Chiên, bà Tạ Thị Mai, bà Diệp Thị Thanh E và Mai Nguyễn Thị PQ Tuyên là vợ của Trần Văn C, Liêu Văn H, Nguyễn Văn T và Trương Quốc O quá trình sinh sống cùng với bị cáo đều I biết việc các bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng và I giúp sức gì cho các bị cáo nên I có căn cứ để đề cập xử G.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án Z dân Tối cao và X quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Z dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự: Đối với khoản tiền gốc bị cáo cho vay; khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) và tiền phí hồ sơ đã thu của những người vay được xác định là các khoản tiền liên D trực tiếp đến tội phạm nên tịch thu sung quỹ Nhà nước; Đối với số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) thì

buộc bị cáo hoàn trả lại cho người vay, đối với số tiền gốc người vay còn nợ lại cần buộc người vay nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với bị cáo Trần Văn C: Tại phiên tòa bị cáo xác định bị cáo có số tiền vốn gốc ban đầu để cho vay là 103.500.000 đồng, theo đó trong phạm vi số tiền gốc có được bị cáo đã cho chị Nguyễn Khánh M vay góp 04 lần, cho anh Đậu Văn Q vay góp 07 lần, dùng tiền riêng cho anh Lê Kim Y vay 02 lần và chung 50% số tiền với Nguyễn Văn T và Trương Văn C cho anh Lê Kim Y vay góp 05 lần hình thức vay từ tổng số tiền là 103.500.000 đồng, trong đó có nhiều khoản vay đã trả xong sau đó vay lại. Cũng từ nguồn tiền này, sau khi thu gốc, lãi bị cáo tiếp tục cho vay. Xét lời trình bày của bị cáo và đối chiếu với bảng thống kê tính toán số tiền cho vay hoàn toàn phù hợp, logic về mặt thời gian cho vay, số tiền mỗi lần cho vay, khoản gốc người vay đã trả và còn nợ lại, do đó bị cáo còn phải nộp lại số tiền gốc là 103.500.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm), tiền phí hồ sơ đã thu của những người vay; số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) và đối với số tiền gốc người vay còn nợ thì chi tiết từng khoản được tính toán như sau:

-Đối với khoản vay của bà Nguyễn Khánh M: Buộc bị cáo Trần Văn C phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà M là 5.999.313 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo C phải trả lại cho bà M số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 17.750.683 đồng.

-Đối với khoản vay của ông Đậu Văn Q: Buộc bị cáo Trần Văn C phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông Q là 4.688.358 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo C phải trả lại cho ông Q số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 11.911.646 đồng.

-Đối với khoản vay của ông Lê Kim Y: Buộc bị cáo Trần Văn C phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông Y là 16.159.589 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo C phải trả lại cho ông Y số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 41.340.410 đồng. Ông Y nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 85.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T: Tại phiên tòa bị cáo xác định bị cáo có số tiền vốn gốc ban đầu để cho vay là 100.000.000 đồng, theo đó trong phạm vi số tiền gốc có được bị cáo đã chung tiền Trần Văn C, Trương Văn C cho anh Lê Kim Y vay góp 05 lần; chung với Trương Văn C với tỷ lệ 50/50 cho chị Võ Ngọc Bảo R vay góp 08 lần, trong đó có nhiều khoản vay đã trả xong sau đó vay lại. Cũng từ nguồn tiền này, sau khi thu gốc, lãi bị cáo tiếp tục cho vay. Xét lời trình bày của bị cáo và đối chiếu với bảng thống kê tính toán số tiền cho vay hoàn toàn phù hợp, logic về mặt thời gian cho vay, số tiền mỗi lần cho vay, khoản gốc người vay đã trả và còn nợ lại, do đó bị cáo còn phải nộp lại số tiền gốc là 100.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm), tiền phí hồ sơ đã thu của những người vay; số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) và đối với số tiền gốc người vay còn nợ thì chi tiết từng khoản được tính toán như sau:

-Đối với khoản vay của ông Lê Kim Y: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông Y là 6.027.397 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo T phải trả lại cho ông Y số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 14.597.602 đồng.

-Đối với khoản vay của bà Võ Ngọc Bảo R: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà R là 21.965.753 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo T phải trả lại cho bà R số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 63.450.913 đồng.

Đối với bị cáo Liêu Văn H: Tại phiên tòa bị cáo xác định bị cáo có số tiền vốn gốc ban đầu để cho vay là 90.000.000 đồng, theo đó trong phạm vi số tiền gốc có được bị cáo đã chung tiền Trương Văn C cho chị Võ Ngọc Bảo R vay góp 05 lần; chung với Trương Quốc O (với số tiền 100.000.000đ hoàn toàn O bỏ ra cho vay) cho Nguyễn Thị E vay góp (01 lần). Sau đó tiếp tục cho E và ông Nông Mạnh U vay tiền đứng, trong đó có nhiều khoản vay đã trả xong sau đó vay lại. Cũng từ nguồn tiền này, sau khi thu gốc, lãi bị cáo tiếp tục cho vay. Xét lời trình bày của bị cáo và đối chiếu với bảng thống kê tính toán số tiền cho vay hoàn toàn phù hợp, logic về mặt thời gian cho vay, số tiền mỗi lần cho vay, khoản gốc người vay đã trả và còn nợ lại, do đó bị cáo còn phải nộp lại số tiền gốc là 90.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm), tiền phí hồ sơ đã thu của những người vay; số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) và đối với số tiền gốc người vay còn nợ thì chi tiết từng khoản được tính toán như sau:

-Đối với khoản vay của bà Võ Ngọc Bảo R: Buộc bị cáo Liêu Văn H phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà R là 10.500.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo H phải trả lại cho bà R số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 41.106.848 đồng.

-Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị E: Buộc bị cáo Liêu Văn H phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà E là 3.157.534 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo H phải trả lại cho bà E số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 9.342.456 đồng.

Đối với bị cáo Trương Văn C: Tại phiên tòa bị cáo xác định bị cáo I trực tiếp cho vay, bị cáo có số tiền vốn gốc ban đầu để cho vay là 126.000.000 đồng, theo đó trong phạm vi số tiền gốc có được bị cáo đã chung tiền với T và Trần Văn C cho ông Lê Kim Y vay góp 05 lần; chung tiền với Nguyễn Văn T cho chị Võ Ngọc Bảo R vay góp 08 lần; chung với Liêu Văn H cho Võ Ngọc Bảo R vay góp (05 lần), trong đó có nhiều khoản vay đã trả xong sau đó vay lại. Cũng từ nguồn tiền này, sau khi thu gốc, lãi bị cáo tiếp tục cho vay. Xét lời trình bày của bị cáo và đối chiếu với bảng thống kê tính toán số tiền cho vay hoàn toàn phù hợp, logic về mặt thời gian cho vay, số tiền mỗi lần cho vay, khoản gốc người vay đã trả và còn nợ lại, do đó bị cáo còn phải nộp lại số tiền gốc là 126.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm), tiền phí hồ sơ đã thu của những người vay; số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) và đối với số tiền gốc người vay còn nợ thì chi tiết từng khoản được tính toán như sau:

-Đối với khoản vay của ông Lê Kim Y: Buộc bị cáo Trương Văn C phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông Y là 6.027.397 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo C phải trả lại cho ông Y số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 14.597.602 đồng.

-Đối với khoản vay của bà Võ Ngọc Bảo R: Buộc bị cáo Trương Văn C phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà R là 32.465.753 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo C phải trả lại cho bà R số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 104.557.761 đồng.

Đối với bị cáo Trương Quốc O: Tại phiên tòa bị cáo xác định bị cáo I trực tiếp cho vay, bị cáo có số tiền vốn gốc ban đầu để cho vay là 110.000.000 đồng, theo đó trong phạm vi số tiền gốc có được bị cáo tham gia cùng H cho 02 người vay; trực tiếp cho 12 người vay với tổng cộng 20 lượt cho vay, cũng từ nguồn tiền này, sau khi thu gốc, lãi bị cáo tiếp tục cho vay. Xét lời trình bày của bị cáo và đối chiếu với bảng thống kê tính toán số tiền cho vay hoàn toàn phù hợp, logic về mặt thời gian cho vay, số tiền mỗi lần cho vay, khoản gốc người vay đã trả và còn nợ lại, do đó bị cáo còn phải nộp lại số tiền gốc là 110.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm), tiền phí hồ sơ đã thu của những người vay; số tiền lãi vượt mức lãi suất quy định của Nhà nước (trên 20%) và đối với số tiền gốc người vay còn nợ thì chi tiết từng khoản được tính toán như sau:

-Đối với khoản vay của bà Võ Thị I: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà I là 631.506 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho bà I số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 1.868.493 đồng.

-Đối với khoản vay của bà Mai Thị Bích P: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà P là 947.259 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho bà P số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 2.802.738 đồng.

-Đối với khoản vay của bà Lê Thị S: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà S là 631.506 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho bà S số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 1.868.493 đồng.

-Đối với khoản vay của ông Cao Văn D: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông D là 631.506 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho ông D số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 1.868.493 đồng.

-Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị F: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà F là 631.506 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho bà F số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 1.868.493 đồng.

-Đối với khoản vay của bà Chu Thị G: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà G là

947.259 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho bà G số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 2.802.738 đồng.

-Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị Quỳnh J: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà J là 947.259 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho bà J số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 2.802.738 đồng.

-Đối với khoản vay của ông Lê Văn K: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông K là 315.753 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho ông K số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 934.246 đồng.

-Đối với khoản vay của ông Võ Đình X: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông X là 315.753 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho ông X số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 934.246 đồng.

-Đối với khoản vay của ông Nguyễn Văn S: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông S là 315.753 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho ông S số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 934.246 đồng.

-Đối với khoản vay của ông Nguyễn Thành Z: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông Z là 631.506 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho ông Z số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 1.868.492 đồng.

-Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị E: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của bà E là 2.212.556 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho bà E số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 4.037.442 đồng. Bà E phải nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 28.838.333 để nộp vào ngân sách Nhà nước.

-Đối với khoản vay của ông Nông Mạnh U: Buộc bị cáo Trương Quốc O phải nộp lại số tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ đã nhận của ông U là 273.972 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo O phải trả lại cho ông U số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) là 3.726.027 đồng. Ông U phải nộp lại số tiền gốc còn nợ là 46.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đề X Hội đồng xét xử tuyên quản thủ số tiền 8.000.000 đồng của bị cáo Trương Văn C để đảm bảo thi hành án cho bị cáo C; quản thủ số tiền 7.720.000 đồng của bị cáo Trần Văn C để đảm bảo thi hành án cho bị cáo C.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 ĐTDĐ hiệu ITEL màu đỏ sim số: 0394928838; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA – TA1034 màu xanh, sim số: 0336.176.483; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106, vỏ màu đỏ đen, số sê ri: 352882101050834, số sim: 0386875148; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu đen, số sim 0971293493; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 8Plus màu hồng sim số: 0326826836; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 màu xanh đen I có sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu đen (đã qua sử dụng), màn hình bị nứt vỡ, số Imel:

356112096635183, số sim: 086.775.0065; 01 hộp lần tay màu đỏ hiệu “Horse”; 01 hộp lần tay màu đỏ hiệu “Shiny”;

Trả lại cho bị cáo Trương Văn C 01 xe mô tô dạng Wave màu đỏ biển số 93F9-1098.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn C 01 GPLX số 70020501344; 01 CMND số 164323235; 01 thẻ ngân hàng số: 4221510029539203 mang tên “Trần Văn C” và 01 cuốn tập trắng bìa ngoài có tên Hải Tiến.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 thẻ ngân hàng số: 9740030269852254, 01 CCCD số: 034095015482; 01 thẻ ngân hàng số: 9704222085916807

Trả lại cho bị cáo Trương Quốc O 01 thẻ ATM ngân hàng MB số thẻ 408904103148 mang tên Trương Quốc O; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank số thẻ 5174 1600 0064 3560 mang tên Trương Quốc O.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 tH giấy trọng lượng 07 kg bên trong có giấy có chữ “cho vay tiền” và 01 cuốn tập bên ngoài có ghi chữ MGP màu đỏ

-Đối với số tiền 815.337 đồng trong tài khoản của Trương Văn C đang niêm phong tại Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Bình Phước (MB Bank), đây là tiền bị cáo dùng để rút C tiền khi cho khách vay nên cần tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

-Đối với số tiền 7.294.673 đồng trong tài khoản của Trương Quốc O đang niêm phong tại Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Bình Phước (MB Bank), đây là tiền bị cáo dùng để rút C tiền khi cho khách vay nên cần tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

-Đối với số tiền 24.804.852 đồng trong tài khoản của Trần Văn C đang niêm phong tại Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Bình Phước (MB Bank), đây là tiền bị cáo dùng để rút C tiền khi cho khách vay nên cần tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

-Đối với số tiền 290.601.305 đồng trong tài khoản của Nguyễn Văn T đang niêm phong tại Ngân hàng Quân đội Chi nhánh Bình Phước (MB Bank), đây là tiền bị cáo dùng để rút C tiền khi cho khách vay nên cần tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

[7] Đề X của Đại diện Viện kiểm sát Z dân thành phố Đồng Xoài tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Liêu Văn H, Trương Văn C và Trương Quốc O phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về điều luật và mức hình phạt:

-Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn C số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

-Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn C số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

-Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

-Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Liêu Văn H số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

-Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Quốc O số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 468, Điều 579, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:

Đối với bị cáo Trần Văn C:

- Buộc Trần Văn C phải nộp lại số tiền gốc là 103.500.000 đồng; tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ cho vay là 26.847.260, tổng cộng là: 130.347.260 để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc Trần Văn C phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) cụ thể như sau:

+ Trả lại cho bà Nguyễn Khánh M số tiền 17.750.683 đồng.

+ Trả lại cho ông Đậu Văn Q số tiền 11.911.646 đồng.

+ Trả lại cho ông Lê Kim Y số tiền 41.340.410 đồng.

- Buộc người vay phải nộp lại số tiền gốc mà Trần Văn C đã cho vay nhưng người vay chưa trả cho Trần Văn C để sung nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

+ Ông Lê Kim Y nộp lại số tiền gốc còn nợ lại là 85.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

- Buộc Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền gốc là 100.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ cho vay là 27.993.150, tổng cộng là: 127.993.150 để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc Nguyễn Văn T phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) cụ thể như sau:

+ Trả lại cho ông Lê Kim Y số tiền 14.597.602 đồng.

+ Trả lại cho bà Võ Ngọc Bảo R số tiền 63.450.913 đồng.

Đối với bị cáo Liêu Văn H:

- Buộc Liêu Văn H phải nộp lại số tiền gốc là 90.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ cho vay là 13.657.534 đồng, tổng cộng là: 103.657.534 để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc Liêu Văn H phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) cụ thể như sau:

+ Trả lại cho bà Võ Ngọc Bảo R số tiền 41.106.848 đồng.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị E số tiền là 9.342.456 đồng.

Đối với bị cáo Trương Văn C:

- Buộc Trương Văn C phải nộp lại số tiền gốc là 126.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ cho vay là 38.493.150 đồng, tổng cộng là: 164.493.150 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc Trương Văn C phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) cụ thể như sau:

+ Trả lại cho ông Lê Kim Y số tiền 14.597.602 đồng.

+ Trả lại cho bà Võ Ngọc Bảo R số tiền là 104.557.761 đồng.

Đối với bị cáo Trương Quốc O:

- Buộc Trương Quốc O phải nộp lại số tiền gốc là 110.000.000 đồng; tiền lãi theo quy định (I quá 20%) và tiền phí hồ sơ cho vay là 9.433.094 đồng, tổng cộng là: 119.433.094 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước;

- Buộc Trương Văn C phải trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá quy định (trên 20%) cụ thể như sau:

+ Trả lại cho bà Võ Thị I số tiền là 1.868.493 đồng.

+ Trả lại cho bà Mai Thị Bích P số tiền là 2.802.738 đồng.

+ Trả lại cho bà Lê Thị S số tiền là 1.868.493 đồng.

+ Trả lại cho ông Cao Văn D số tiền là 1.868.493 đồng.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị F số tiền là 1.868.493 đồng.

+ Trả lại cho bà Chu Thị G số tiền là 2.802.738 đồng.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị Quỳnh J số tiền là 2.802.738 đồng.

+ Trả lại cho ông Lê Văn K số tiền là 934.246 đồng.

+ Trả lại cho ông Võ Đình X số tiền là 934.246 đồng.

+ Trả lại cho ông Nguyễn Văn S số tiền là 934.246 đồng.

+ Trả lại cho ông Nguyễn Thanh Z số tiền là 1.868.492 đồng.

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị E số tiền là 4.037.442 đồng.

+ Trả lại cho ông Nông Mạnh U số tiền là 3.726.027 đồng.

- Buộc người vay phải nộp lại số tiền gốc mà Trương Quốc O đã cho vay nhưng người vay chưa trả cho Trương Quốc O để sung nộp vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- + Bà Nguyễn Thị E phải nộp lại 28.838.333 để nộp vào Ngân sách nhà nước.
- + Ông Nông Mạnh U phải nộp lại 46.000.000 đồng để nộp vào Ngân sách nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên quản thủ số tiền 8.000.000 đồng của bị cáo Trương Văn C để đảm bảo thi hành án cho bị cáo C; quản thủ số tiền 7.720.000 đồng của bị cáo Trần Văn C để đảm bảo thi hành án cho bị cáo C.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 màu xanh đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 màu đỏ đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen bị bể màn hình; 01 điện thoại di động hiệu Itel màu đỏ; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone màu hồng; 01 cuốn tập trắng bìa ngoài có tên Hải Tiến và 02 hộp mực lăn tay.

Trả lại cho bị cáo Trương Văn C 01 xe mô tô dạng Wave màu đỏ, I dè, I bửng, I kiếng hậu, I chạy được, I kiểm tra được số khung, số máy biển số 93F9-1098.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn C 01 Giấy phép lái xe số 70020501344 mang tên Trần Văn C; 01 chứng Y Z dân mang tên Trần Văn C; 01 thẻ ATM ngân hàng số: 4221510029539203 mang tên Trần Văn C.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 thẻ ATM ngân hàng MB số: 9740030269852254 mang tên Nguyễn Văn T, 01 Căn cước công dân số: 034095015482; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank số: 9704222085916807

Trả lại cho bị cáo Trương Quốc O 01 thẻ ATM ngân hàng MB số thẻ 408904103148 mang tên Trương Quốc O; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank số thẻ 5174 1600 0064 3560 mang tên Trương Quốc O.

Lưu theo hồ sơ vụ án 01 tH giấy trọng lượng 07 kg bên trong có giấy có chữ “cho vay tiền” và 01 cuốn tập bên ngoài có ghi chữ MGP màu đỏ

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0002062, quyển số 0042, ký hiệu D47/2017 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài và Ủy nhiệm Chi giữa Công an thành phố Đồng Xoài và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước).

- Yêu cầu Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Bình Phước (MB Bank) mở phong tỏa tài khoản thanh toán số 6679456789999 và C số tiền 815.337 đồng đến tài khoản số 3949.0.1047797.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Phước để quản thủ đảm bảo thi hành án.

- Yêu cầu Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Bình Phước (MB Bank) mở phong tỏa tài khoản thanh toán số 52190989999 và C số tiền 7.294.673 đồng đến tài khoản số 3949.0.1047797.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Phước để quản thủ đảm bảo thi hành án.

- Yêu cầu Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Bình Phước (MB Bank) mở phong tỏa tài khoản thanh toán số 5339456789999 và C số tiền 24.804852 đồng đến tài khoản số 3949.0.1047797.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Phước để quản thủ đảm bảo thi hành án.

- Yêu cầu Ngân hàng Quân Đội - Chi nhánh Bình Phước (MB Bank) mở phong tỏa tài khoản thanh toán số 5440102030405 và C số tiền 290.601.305 đồng đến tài khoản số 3949.0.1047797.00000 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Xoài tại Kho bạc nhà nước tỉnh Bình Phước để quản thủ đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của X quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản G và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn C, Nguyễn Văn T, Liêu Văn H, Trương Văn C và Trương Quốc O mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên D đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án Z dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đồng Xoài;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS TP.Đồng Xoài;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- CA Thành phố Đồng Xoài;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Ngân hàng Quân đội BP (MB Bank);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh J